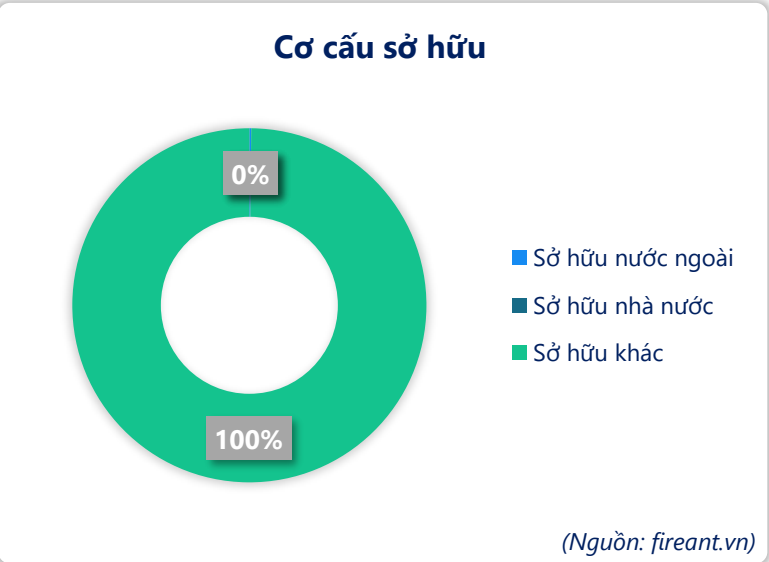
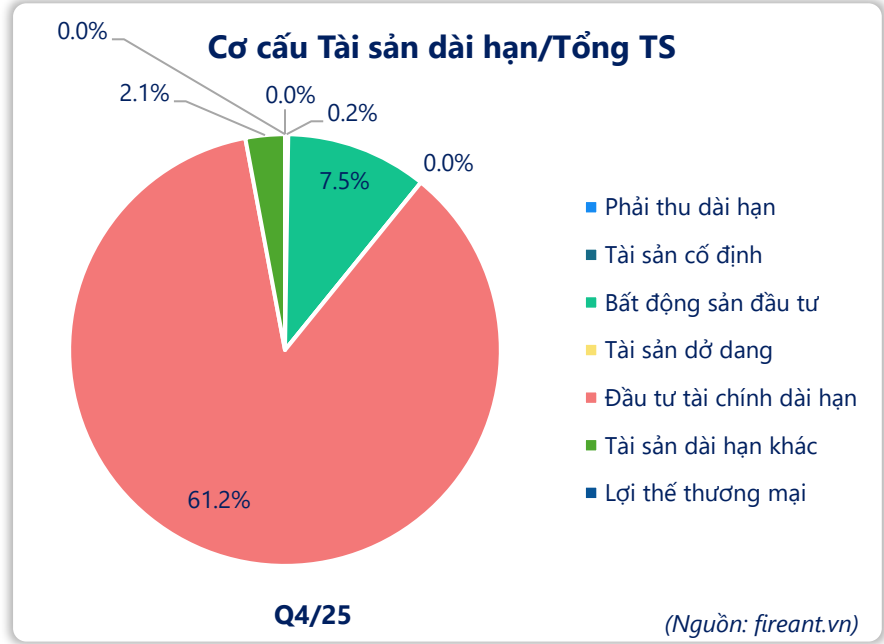
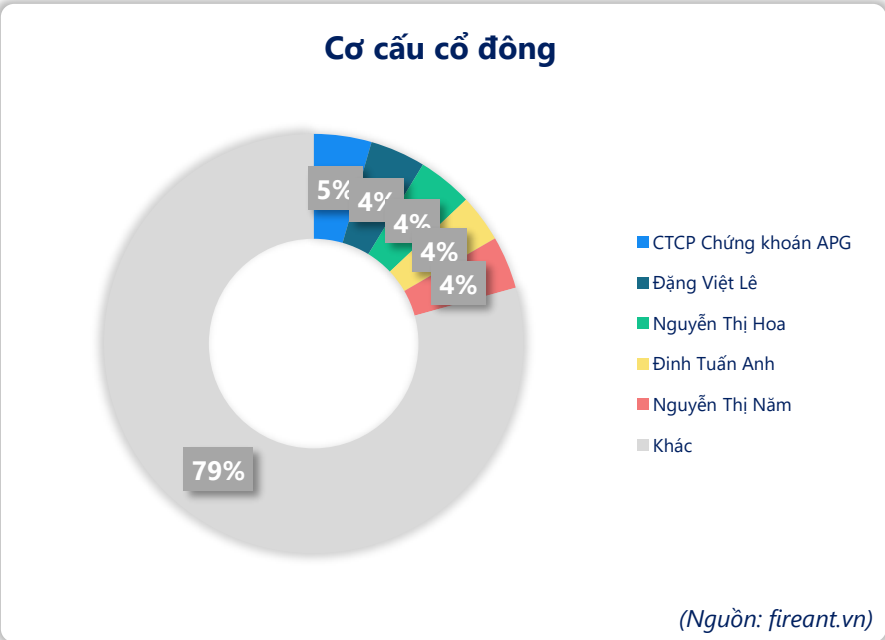
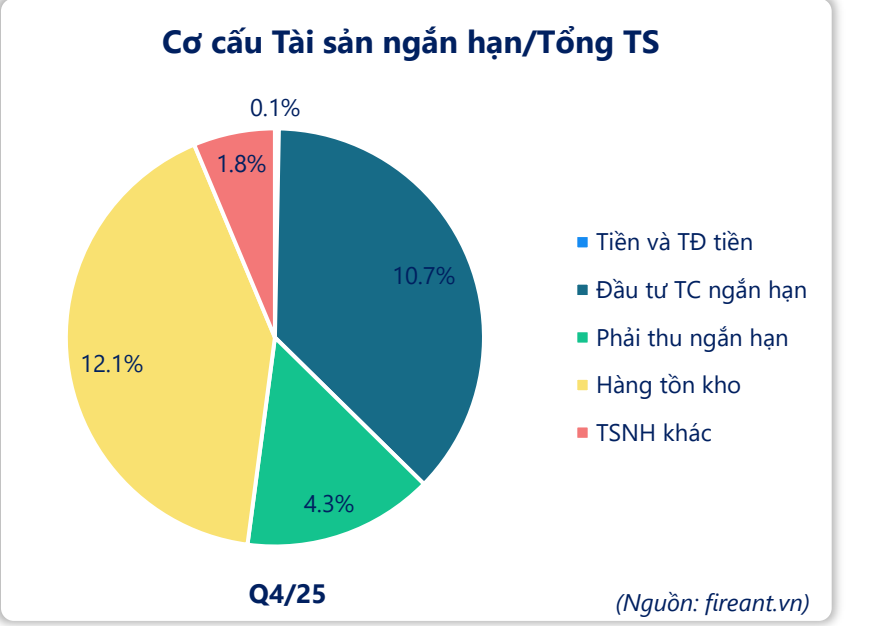
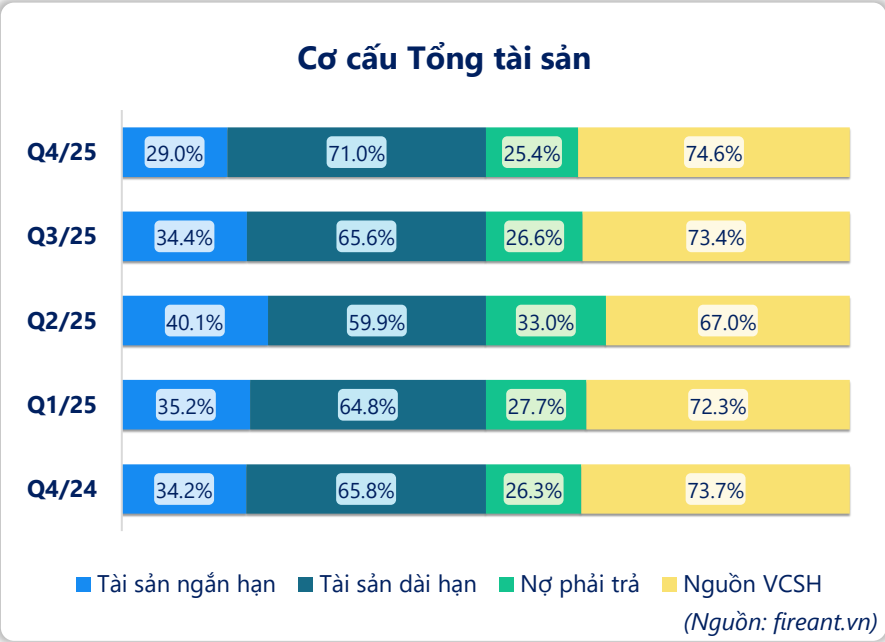


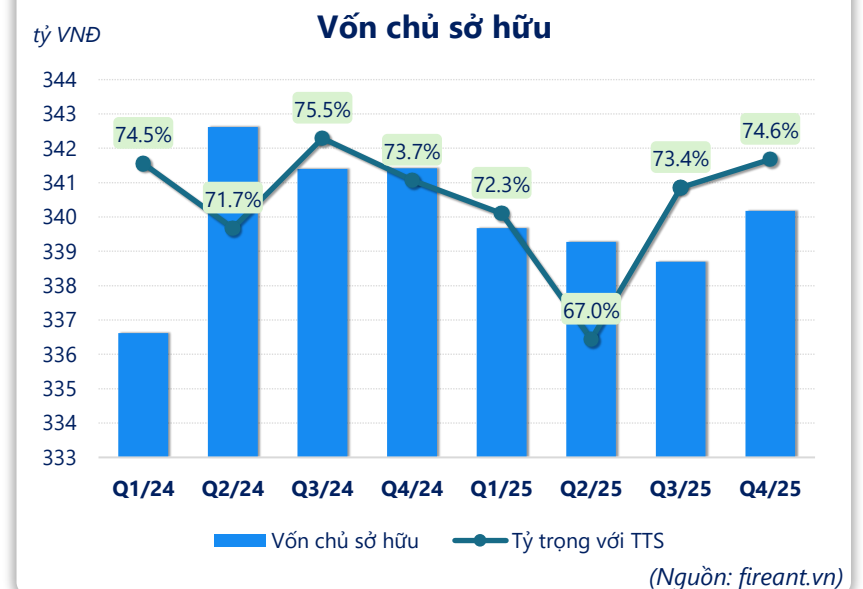
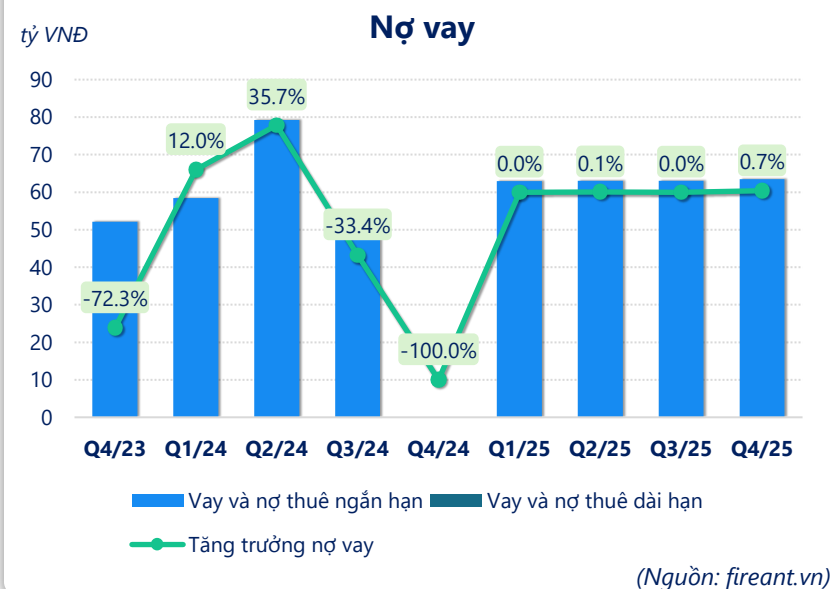
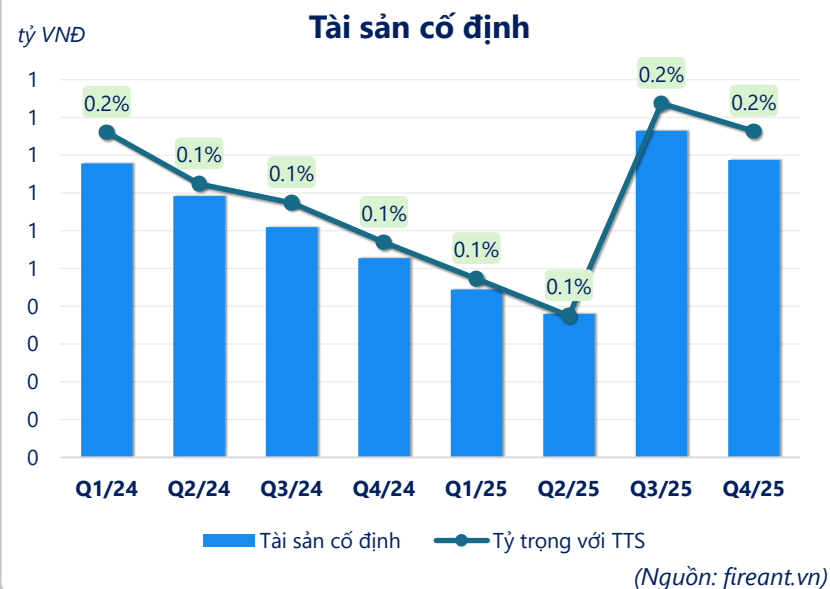
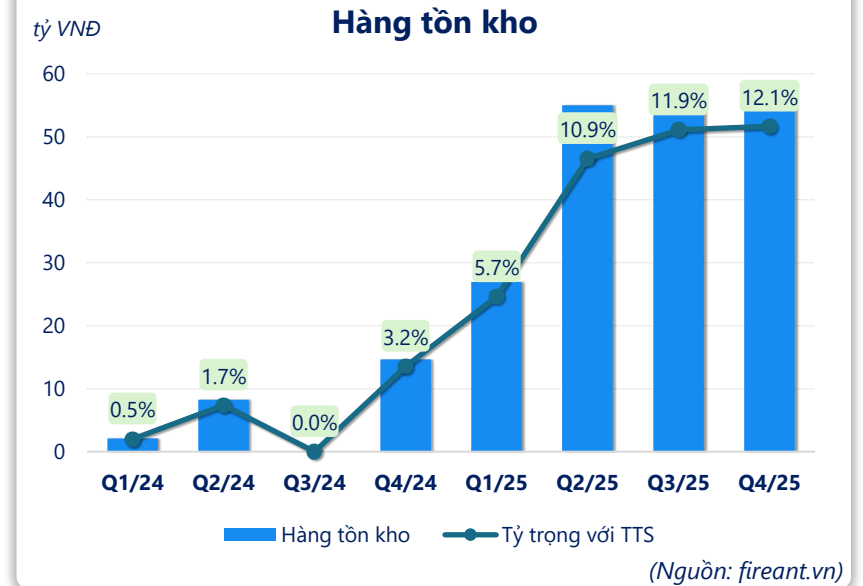
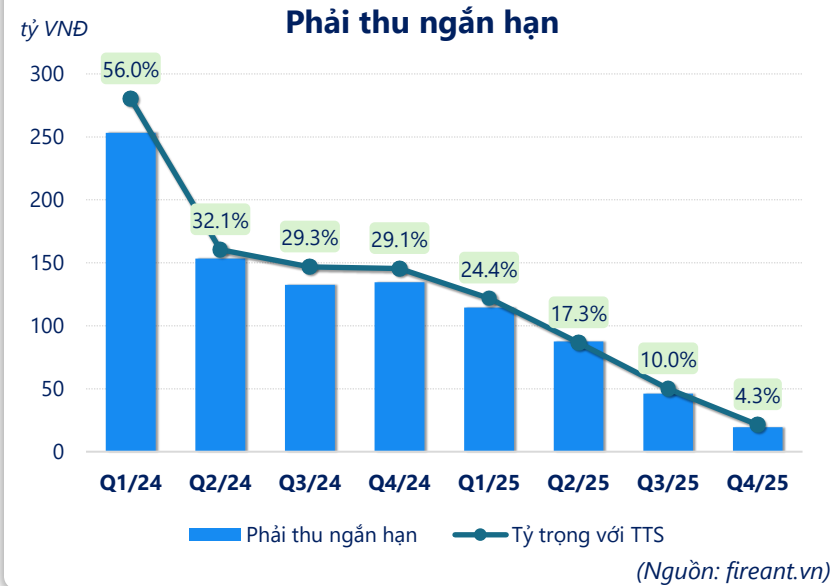
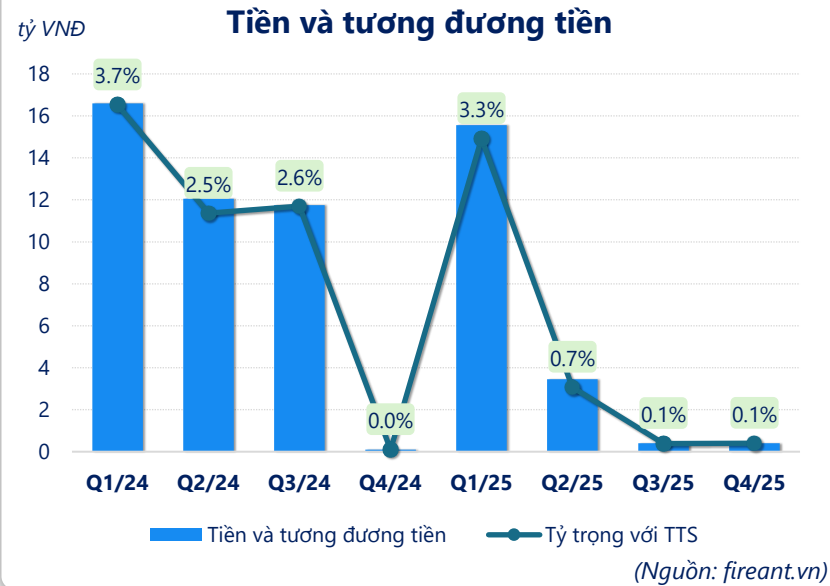
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		1,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,700
SL cổ phiếu LH		31,434,237
KLGD BQ 20 phiên (CP)		150,245
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		53
P/E		7937.6
EPS		

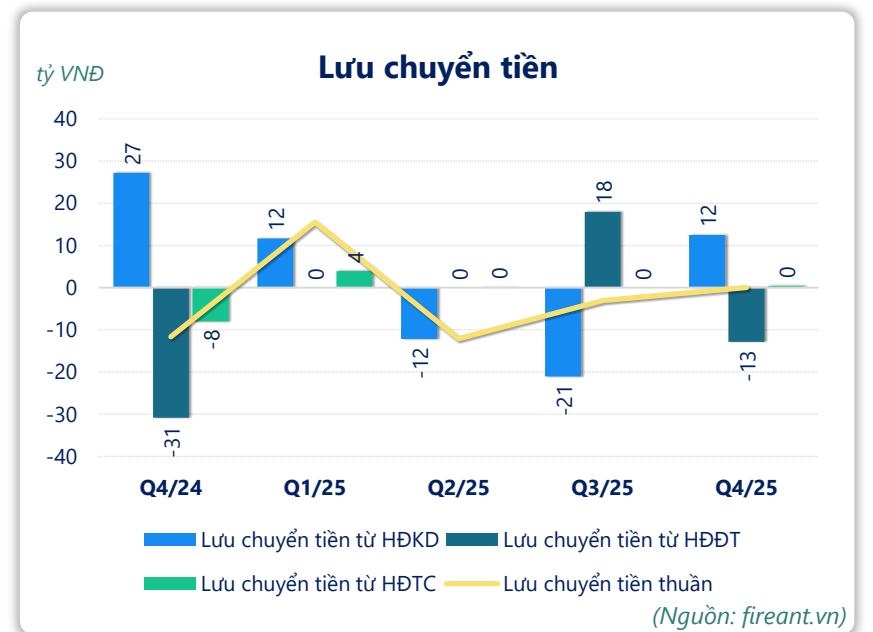
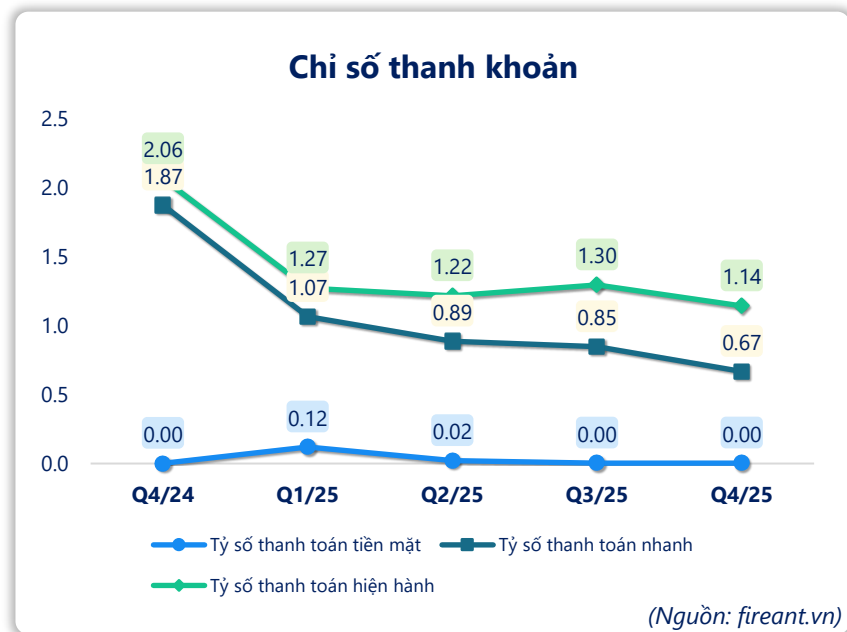
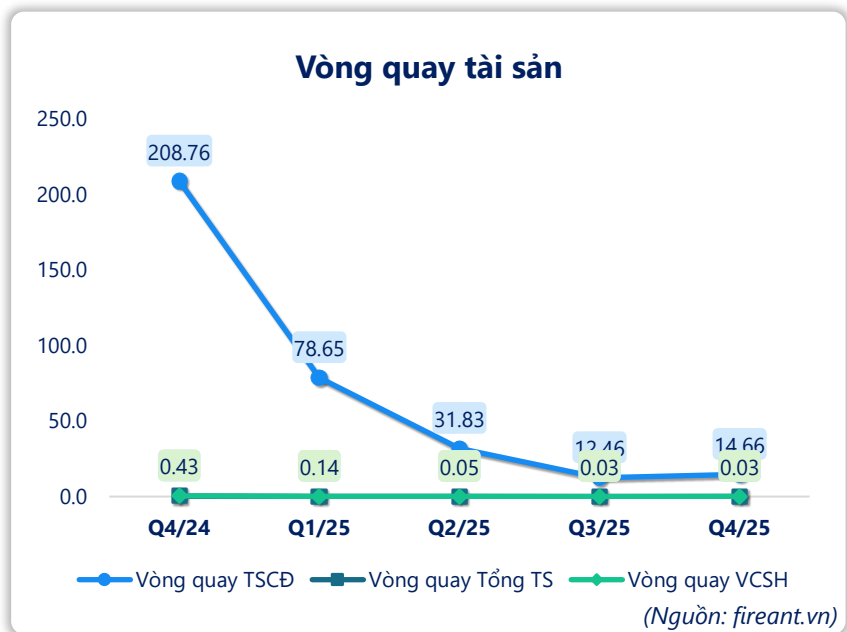
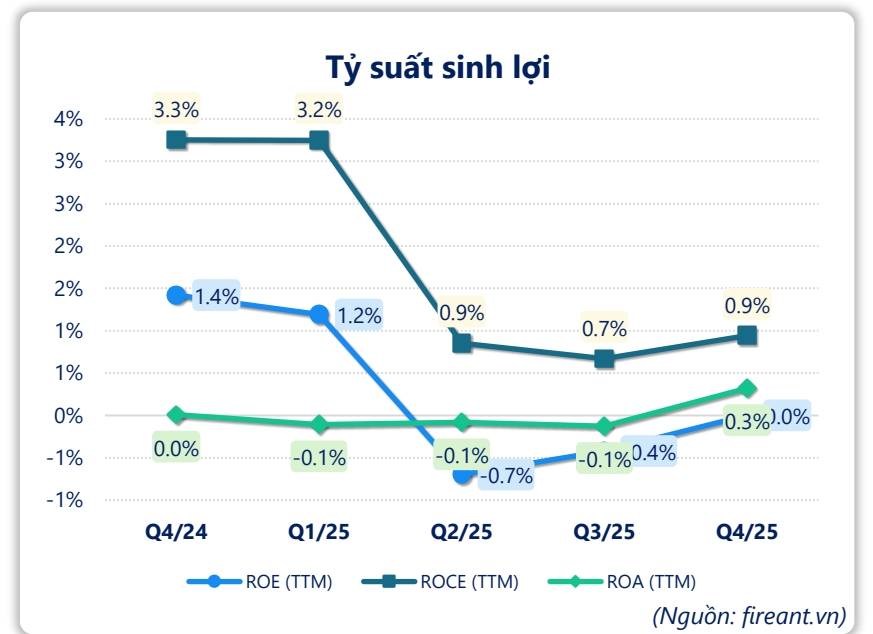
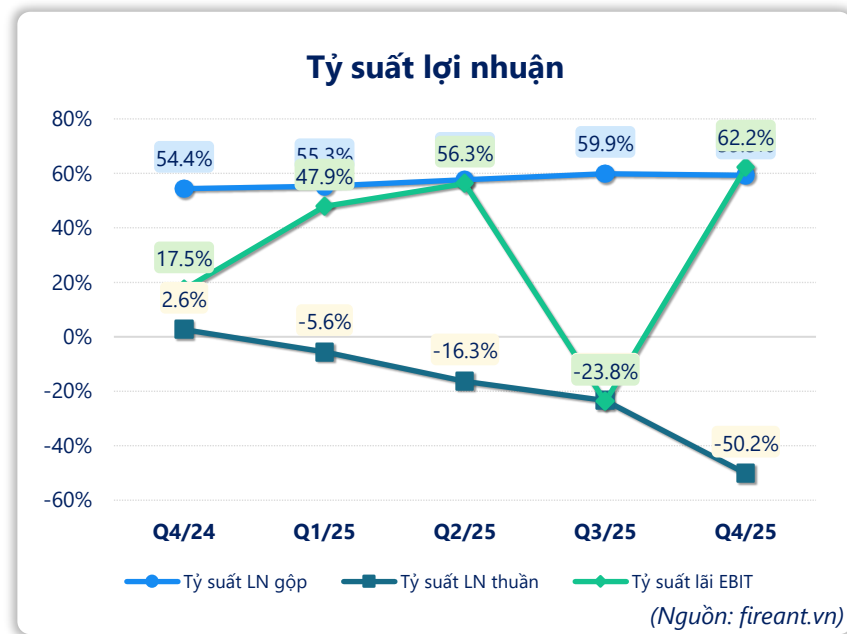
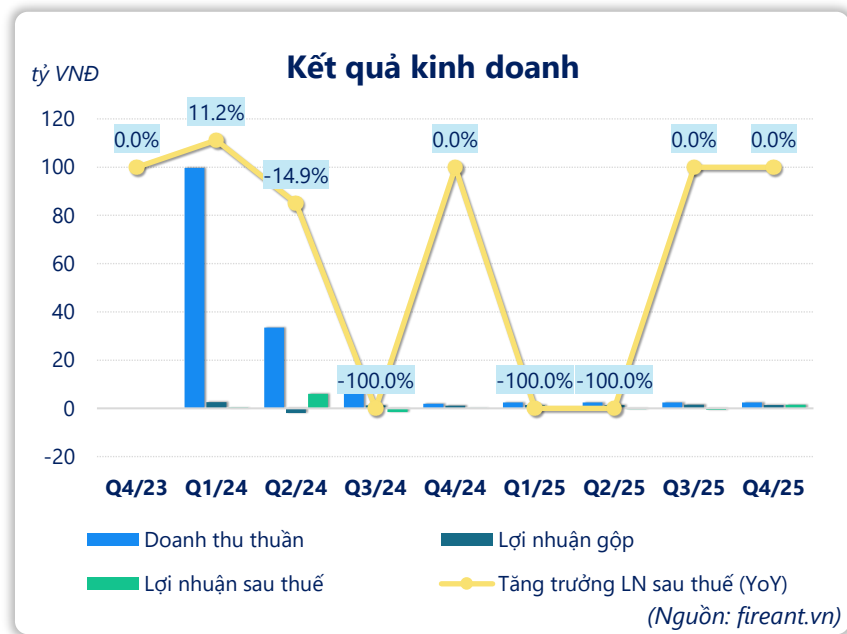
	YTD	1T	3T	6T
GKM	-62.2%	-26.1%	-55.3%	-62.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP GKM Holdings (HNX: GKM)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	456	463	-1.5%
Tài sản ngắn hạn	132	157	-15.9%
Tiền và tương đương tiền	0.40	0.04	967%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.0	0	
Phải thu ngắn hạn	19.5	134	-85.5%
Hàng tồn kho	55.0	14.6	275%
Tài sản ngắn hạn khác	8.34	8.35	-0.1%
Tài sản dài hạn	324	305	6.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.79	0.53	49.3%
Bất động sản đầu tư	34.3	37.7	-9.0%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	279	257	8.7%
Tài sản dài hạn khác	9.54	10.4	-7.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	116	122	-5.5%
Nợ ngắn hạn	116	122	-5.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	63.4	59.0	7.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	45.7	-32.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	340	340	0.0%
Vốn chủ sở hữu	340	340	0.0%
Vốn điều lệ	314	314	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1.93	2.42	2.42	2.42	2.38
Giá vốn hàng bán	0.88	1.08	1.02	0.97	0.97
Lợi nhuận gộp	1.05	1.34	1.39	1.45	1.41
Doanh thu HĐTC	0.17	0.83	0.83	0.84	0.19
Chi phí TC	0.29	1.65	1.77	2.18	1.97
Chi phí lãi vay	0.29	1.65	1.77	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.10	0.10	0.10	0.10
Chi phí QLDN	0.77	0.55	0.76	0.57	0.72
LN thuần từ HĐKD	0.05	-0.13	-0.40	-0.57	-1.20
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.36	-0.01	-0.01	2.68
LN trước thuế	0.04	-0.49	-0.40	-0.58	1.48
Lợi nhuận sau thuế	0.04	-0.49	-0.40	-0.58	1.48
LNST của CĐ cty mẹ	0.04	-0.49	-0.40	-0.58	1.48

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.2	11.6	-12.2	-21.0	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-30.8	0	0	18.0	-12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.00	3.90	0.08	0	0.45
Tiền đầu kỳ	11.7	0.04	15.6	3.45	0.40
Lưu chuyển tiền thuần	-11.6	15.5	-12.1	-3.06	0.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.10	15.6	3.45	0.40	0.40

(Nguồn: fireant.vn)